TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1980; ĐKHKTT: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, hiện tại đamg cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/6/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh Đ ở thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Cách đây mấy năm anh Đ nghiện ma túy, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Bản thân chị đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn, nhưng hai bên không cải thiện được mà nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn đã được gia đình giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 5/2021, anh Đ bị đưa đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Anh Đ đề nghị Tòa án hòa giải để chị và anh Đ đoàn tụ chị không chấp nhận. Do tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên không thể khắc phục chung sống đoàn tụ, hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn Đ có 02 con chung Trần Thành L, sinh ngày 25/12/2007, Trần Thị N, sinh ngày 10/6/2010. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh Đ tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2021 anh Trần Văn Đ trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Thu T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận không có mâu thuẫn gì. Cách đây 2 năm anh nghiện ma túy đến tháng 5/2021 anh đã bị Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 huyện Tiên Lãng, Hải Phòng với thời gian 24 tháng. Hiện anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Tiên Lãng. Việc chị T xin ly hôn anh có quan điểm không đồng ý ly hôn do anh vẫn còn tình cảm với chị T. Đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị T đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị Thu T có 02 con chung Trần Thành L, sinh ngày 25/12/2007, Trần Thị N, sinh ngày 10/6/2010. Anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn do anh đang phải cai nghiện ma túy. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Trần Văn Đ. Về con chung: Giao con chung Trần Thành L, sinh ngày 25/12/2007, Trần Thị N, sinh ngày 10/6/2010 cho chị Phạm Thị Thu T nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Phạm Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn Đ có địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc vắng mặt của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T và bị đơn anh Trần Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị T, anh Đ đều có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn sự thương yêu, tôn trọng nhau trong cuộc sống gia đình, anh Đ nghiện ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ, chị không chấp nhận hòa giải tiếp tục chung sống với anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Còn anh Đ có quan điểm đề nghị Tòa án hòa giải cho anh và chị T đoàn tụ vì anh còn tình cảm với chị T.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Quan điểm của anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Trần Văn Đ.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ có hai con chung là Trần Thành L, sinh ngày 25/12/2007, Trần Thị N, sinh ngày 10/6/2010. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh Đ có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập, điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của đương sự, nguyện vọng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Trần Thành L và Trần Thị N cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hội đồng xét xử tạm thời không giải quyết, sau này các bên có tranh chấp về cấp dưỡng con chung sau ly hôn, Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

[6] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thành L, sinh ngày 25/12/2007, Trần Thị N, sinh ngày 10/6/2010 cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ không yêu cầu, Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ không yêu cầu, Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị T đã nộp (Biên lai thu tiền số 0003998 ngày 04/11/2021) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Thu T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đại Bản (ĐKKH số 78/2008, ngày 10/6/2008);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi **Đỗ Văn Thư** **Nguyễn Thị Thu Hương**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Đồng (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương